

BÁO CÁO

Công tác phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ công tác quý IV năm 2022

Thực hiện Công văn số 2493/UBND-NC ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Công văn số 494/TTr-NV3 ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Thanh tra tỉnh về thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi tắt là Văn phòng) báo cáo kết quả công tác phòng chống tham nhũng 9 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ công tác quý IV năm 2022, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Trong 9 tháng đầu năm 2022, Văn phòng đã tổ chức triển khai thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng⁽¹⁾ đến các công chức, viên chức và người lao động thực hiện. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2022⁽²⁾ đảm bảo đồng bộ, hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi tham nhũng, tiêu cực tại đơn vị.

⁽¹⁾ Văn phòng đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 439/KH ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh triển khai Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai công tác phòng, chống tham nhũng và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022 ; Công văn số 327/CV-HCQT ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh triển khai Công văn 213/UBND-NC ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân; Công văn số 520/VP-HCQT ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh triển khai Công văn số 403/UBND-NC ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Công văn số 628-VP-HCQT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh triển khai Công văn số 155/UBND-NC ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo số 3003/VP0HCQT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh triển khai Công văn số 2493/UBND-NC ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 2509/KH-VP ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh triển khai Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Công văn số 2759/VP-HCQT ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh triển khai Công văn số 2261/UBND-NC ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽²⁾ Kế hoạch số 493/KH-VP ngày 10/02/2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tăng cường công tác phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nhất là Kết luận số 21-KL/TW ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII "về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; Kết luận số 01-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Bộ Chính trị "tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và các chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Qua đó, đã góp phần nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người lao động về công tác phòng, chống tham nhũng; phát huy vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trong việc đôn đốc, quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực thi nhiệm vụ của công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý, nhất là việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, quy trình nghiệp vụ; kịp thời phát hiện, báo cáo Chánh Văn phòng xem xét, xử lý tình trạng "tham nhũng vặt" (nếu có).

Công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng được lồng ghép trong các cuộc họp, hội nghị của cơ quan, đơn vị; đăng tải lên Trang thông tin điện tử Văn phòng. Đồng thời, Văn phòng đã lập đường dây nóng trên Trang Thông tin điện tử Văn phòng để tiếp nhận các ý kiến phản ánh về hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà của công chức, viên chức trong xử lý công việc tại cơ quan.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Để thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, Văn phòng đã thường xuyên thực hiện công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng⁽³⁾. Lãnh đạo Văn phòng đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, triệt để công tác công khai, minh bạch trong lĩnh vực quản lý dự toán chi ngân sách nhà nước đảm bảo đúng quy định, chặt chẽ, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, nhất là kinh phí hội nghị, tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền; đồng thời, hướng dẫn thực hiện mua sắm tài sản công theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định, kế hoạch và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong 9 tháng đầu năm 2022 việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước tại đơn vị đảm bảo, không có trường hợp nào sai quy định.

Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng, ban hành và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn; tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế cho

⁽³⁾ Văn phòng đã ban hành công văn số 628/VP-HCQT ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng

phù hợp với quy định hiện hành, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ (*Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công, Quy chế đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức ...*); xây dựng tổ chức thực hiện kế hoạch tự kiểm tra trong nội bộ đơn vị về thực hiện chế độ, tiêu chuẩn, định mức.

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp⁽⁴⁾. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao tiếp trong thi hành công vụ của công chức, viên chức; thực hiện nghiêm túc quy định về tặng quà và nhận quà tặng; đảm bảo không có trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm.

Tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ về công tác Cải cách hành chính, quán triệt công chức, viên chức nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao, nhất là đối với việc giải quyết các thủ tục hành chính một cửa, một cửa liên thông; không tự ý yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung thêm các thủ tục, giấy tờ không có trong quy định; cập nhật tiến trình xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, theo đó tổ chức, cá nhân có thể tra cứu được tình trạng xử lý hồ sơ nên không có tình trạng những nhiễu, tiêu cực, kéo dài thời gian giải quyết.

Thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, trong 9 tháng đầu năm 2022, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai và phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể làm tốt trong công tác tuyên truyền, quán triệt đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về công tác phòng, chống tham nhũng gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn,

⁴ Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 1663-KL/TU ngày 24/4/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 1113/UBND-TH ngày 04/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 26/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo sự chuyên cần, tích cực trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 21/2018/QĐ/UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 1526/KH-UBND ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 39/QĐ-CVP ngày 13/4/2018 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh về ban hành Quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị; Quyết định số 86/QĐ-CVP ngày 02/8/2021 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “Tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ đã góp phần thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng tại đơn vị.

Thường xuyên chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại đơn vị. Qua triển khai thực hiện, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng được nâng lên, góp phần nâng cao hiệu quả nhiệm vụ tại đơn vị.

Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực được Văn phòng quan tâm, chú trọng. Công tác cải cách thủ tục hành chính được quan tâm triển khai hiệu quả, đã áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan, đơn vị. Công tác công khai và kê khai, công khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn được thực hiện nghiêm túc, đúng đối tượng, đúng yêu cầu.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUÝ IV NĂM 2022

1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho công chức, viên chức và người lao động về bản lĩnh chính trị, kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ, ý thức tự phê bình và phê bình; tự giác trong rèn luyện cần, kiệm, liêm, chính, giữ gìn phẩm chất, xây dựng đoàn kết nội bộ; thực hiện việc *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*.

3. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng trong các phòng, đơn vị trực thuộc. Các phòng, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, nâng cao công tác quản lý và hiệu quả công tác.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng như: chuyển đổi vị trí công tác; công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan theo quy định; kê khai tài sản, thu nhập... nhằm phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả hành vi tham nhũng, tiêu cực.

5. Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; công tác tự kiểm tra, giám sát trong nội bộ cơ quan, đơn vị; xử lý nghiêm, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

6. Tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giải quyết công việc để hạn chế tối đa việc tiếp xúc trực tiếp của cán bộ, công chức, viên chức với người dân, doanh nghiệp khi giải quyết công việc.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh báo cáo Thanh tra tỉnh theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP (đ/b);
- Lưu VT, HCQT.PTT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Đức Ty

Phụ lục I
TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Số liệu tính từ ngày 15 tháng 7 năm 2022 đến ngày 14 tháng 8 năm 2022
(Kèm theo Báo cáo số /BC-VP ngày tháng năm 2022
của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN	Văn bản	10
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về PCTN được tổ chức	Lớp	03
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	85
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN được xuất bản	Tài liệu	0
7	Số lượng băng rôn, áp phích về PCTN được treo	Băng rôn	0
8	Số tin bài được đăng tải trên Trang thông tin điện tử	tin bài	12
9	Số tin bài được phát sóng, phát thanh trên truyền hình, loa đài	tin bài	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		
10	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
11	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch</i>		

12	Số người vi phạm các quy định về công khai, minh bạch bị xử lý (<i>Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP</i>)	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về công khai, minh bạch đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
13	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
14	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
15	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ (<i>tự kiểm tra tại đơn vị, đơn vị trực thuộc hoặc thanh kiểm tra theo thẩm quyền</i>)	Cuộc	0
16	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
	<i>Tên vụ/cuộc thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
17	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
18	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính (<i>Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP</i>)	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính, kết quả xử lý</i>		
19	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự, kết quả xử lý</i>		
20	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	0
21	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0

23	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
24	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
25	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	0
26	Số người bị xử lý do có vi phạm quy định về xung đột lợi ích (<i>Điều 84 Nghị định 59/2019/NĐ-CP</i>)	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm xung đột lợi ích đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
27	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân, chức vụ, đơn vị đã công tác bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ, kết quả xử lý</i>		
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
28	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
29	Số người bị xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
30	Số thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	
31	Số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	
32	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	
33	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	

34	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	
35	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	
36	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	
<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>			
37	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	
38	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
39	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	
40	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
40.1	<i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>	<i>Người</i>	
40.2	<i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>	<i>Người</i>	
40.3	<i>Cụ thể cá nhân, chức vụ, đơn vị công tác bị xử lý do có vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập, kết quả xử lý</i>		
PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
41	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
42	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>			
43	Số cuộc kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Cuộc	0
44	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0

48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng PCTN	Vụ	0
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra</i>	<i>Vụ</i>	<i>0</i>
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng PCTN	Người	0
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra</i>	<i>Người</i>	<i>0</i>
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		
56	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
57	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
58	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
59	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0

60	Số người bị xử lý do có vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (<i>Điều 85 Nghị định 59/2019/NĐ-CP</i>)	Người	
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng, kết quả xử lý</i>		
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
61	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
62	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài các hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
63	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	
64	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
65	Số vụ án tham nhũng (<i>thuộc phạm vi quản lý</i>) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
66	Số đối tượng tham nhũng (<i>thuộc phạm vi quản lý</i>) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
67	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
69	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	
70	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG		
71	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	

73.1	- Khiển trách	Người	
73.2	- Cảnh cáo	Người	
73.3	- Cách chức	Người	
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
74	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>)	Vụ	
75	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>), trong đó:	Người	
75.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	
75.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	
75.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	
75.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
76	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
77	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
78	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (<i>chưa có kết quả xử lý</i>)	Vụ	
79	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (<i>chưa có kết quả xử lý</i>)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
80	Bằng tiền (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	
81	Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
82	Bằng tiền (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	
82.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	
82.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	
83	Đất đai	m ²	
83.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	
83.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
84	Bằng tiền (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	

85	Đất đai	m ²	
PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC			
86	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (<i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i>) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	
87	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (<i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i>) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	
88	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (<i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i>) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	
89	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	
90	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	
91	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	
92	Thiệt hại gây ra bởi các vụ án tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	
93	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	